TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST Ngày 21-3-2019 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Dương

2. Ông Phan Chí Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 729/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Võ Minh Y, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 21, Khu phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Hồ Hoàng M, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 21, Khu phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Đường 30/4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2018; đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/10/2018, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Minh Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Minh Y và ông Hồ Hoàng M chung sống với nhau từ năm 2001, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 102, quyển số 04 ngày 16/7/2001 tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã T (nay là phường A, thành phố T), tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên phía gia đình ông M tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình

Dương được 06 năm, sau đó vợ chồng chuyển về nhà mẹ ruột của bà Y tại phường A để sinh sống. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn khoảng 04 năm nay, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tình cảm vợ chồng không còn,vợ chồng thường hay cãi vã, thậm chí có lần ông M còn đánh bà Y. Bà Y đã chịu đựng một thời gian rất dài vì gia đình và các con, mỗi lần vợ chồng cãi nhau là ông M đòi ly hôn. Đến nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau hơn một năm nay, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nên bà Y yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà Võ Minh Y và ông Hồ Hoàng M có 02 con chung là Hồ Dương Minh C, sinh ngày 20/12/2001 và Hồ Dương Gia B, sinh ngày 12/11/2009. Từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau thì các con sống cùng với bà Y. Sau khi ly hôn bà Y yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Hồ Dương Gia B, sinh ngày 12/11/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Minh Y yêu cầu ông Hồ Hoàng M cấp dưỡng nuôi con chung Hồ Dương Gia B, sinh ngày 12/11/2009 mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ khi có bản án quyết định của Tòa án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung là Hồ Dương Minh C, sinh ngày 20/12/2001 đã trưởng thành nên bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, bà Y và ông M có các tài sản chung như sau:

Bà Y và ông M tạo lập được quyền sử dụng đất diện tích 145m^2 thuộc thửa số 1625, tờ bản đồ số 17 toạ lạc tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 373206, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02194 do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 10/01/2012 cho ông Hồ Hoàng M. Trên đất có một căn nhà cấp 4 diện tích 113m^2 và các tài sản là vật dụng khác trong gia đình.

Về nguồn gốc: Quyền sử dụng đất này là do vợ chồng nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Anh D. Nhà đất là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Nay, bà Y yêu cầu:

- Chia đôi tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 145m^2 thuộc thửa số 1625, tờ bản đồ số 17 toạ lạc tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 373206, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02194 do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 10/01/2012 cho ông Hồ Hoàng M. Gắn liền với quyền sử dụng đất là một căn nhà cấp 4 diện tích 113 m^2. Bà Y yêu cầu nhận nhà và đất, đồng ý thanh toán lại cho ông M bằng giá trị là 500.000.000 đồng.

Đối với các tài sản là vật dụng khác trong gia đình bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Chứng minh dân dân, sổ hộ khẩu của bà Võ Minh Y (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy khai sinh của Hồ Dương Minh C và Hồ Dương Gia B; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao); quyết định nâng bậc lương của bà Võ Minh Y (bản photo); bảng thanh toán tiền lương của bà Võ Minh Y (bản chính).

2. Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Hoàng M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông M thống nhất với bà Võ Minh Y về thời gian chung sống và việc đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng, ông M cho rằng: Thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, nhưng từ khi vợ chồng chuyển về phía gia đình bà Y sinh sống thì bà Y hay nói ông M không lo được cho gia đình, vợ chồng hay cãi vã và hiện nay đã không còn sống chung với nhau hơn một năm nay, nhưng do các con còn nhỏ nên ông M không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông M và bà Y có 02 con chung là Hồ Dương Minh C, sinh ngày 20/12/2001 và Hồ Dương Gia B, sinh ngày 12/11/2009. Từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau thì các con sống cùng với bà Y. Sau khi ly hôn ông M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, nhưng các con có nguyện vọng được sống cùng với bà Y thì ông M tôn trọng nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông M không đồng ý cấp dưỡng nuôi con Hồ Dương Gia B 2.000.000 đồng/tháng mà chỉ có thể cấp dưỡng theo khả năng của mình.

Về tài sản chung: Ông M thống nhất với lời trình bày của bà Y về tài sản chung của vợ chồng, cụ thể bà Y, ông M tạo lập được quyền sử dụng đất diện tích145m^2 thuộc thửa số 1625, tờ bản đồ số 17 toạ lạc tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 373206, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02194 do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 10/01/2012 cho ông Hồ Hoàng M. Trên đất có một căn nhà cấp 4 diện tích 113m^2 và các tài sản là vật dụng khác trong gia đình.

Về nguồn gốc: Quyền sử dụng đất này là do vợ chồng nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Trần Anh D. Nhà đất là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Nay bà Y yêu cầu chia đôi tài sản là nhà đất nêu trên thì ông M đồng ý, ông M đồng ý giao nhà đất cho bà Y sở hữu, quản lý sử dụng, nhưng yêu cầu bà Y phải thanh toán cho ông M bằng giá trị ít nhất là từ 600.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng. Đối với các tài sản khác là vật dụng sinh hoạt trong gia đình ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Bản sao kê giao dịch của ông Hồ Hoàng M (bản photo).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Võ Minh Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

+ Bà Y yêu cầu được ly hôn với ông M.

+ Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con Hồ Dương Gia B, sinh ngày 12/11/2009 mỗi tháng 2.000.000 đồng. Đối với con chung là Hồ Dương Minh C, sinh ngày 20/12/2001 đã trưởng thành nên bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

+ Yêu cầu chia đôi tài sản là nhà và đất thuộc thửa số 1625, tờ bản đồ số 17 toạc lạc tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bà Y yêu cầu nhận nhà đất và thanh toán cho ông M bằng giá trị là 500.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Hồ Hoàng M không đồng ý ly hôn, về con chung không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Đối với tài sản chung đồng ý để bà Y nhận nhà đất nhưng phải thanh toán cho ông M từ 600.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 29 tháng 8 năm 2018, bà Võ Minh Y có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Hồ Hoàng M. Ngày 05 tháng 10 năm 2018, bà Võ Minh Y có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Võ Minh Y khởi kiện về việc ly hôn tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn đối với ông Hồ Hoàng M, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Hồ Hoàng M đang cư trú tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Võ Minh Y và ông Hồ Hoàng M chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 102, quyển số 04 ngày 16/7/2001 tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã T (nay là phường A, thành phố T), tỉnh Bình Dương. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà Y và ông M là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa bà Y và ông M là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà Y xác định không có hạnh phúc, mỗi lần vợ chồng cãi nhau là ông M đòi ly hôn, hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau nữa, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nên bà Y quyết định ly hôn với ông M. Ông M cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, bà Y thường hay nói ông M không lo được cho gia đình và hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ ngày 04 tháng 10 năm 2018 ông M đồng ý ly hôn, nhưng các lần hòa giải tiếp theo ông M thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn vì lý do các con còn nhỏ.

Việc bà Y và ông M không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ, qua các lần hòa giải và tại phiên tòa bà Y, ông M đều thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm và hiện nay đã không còn sống chung. Bản thân ông M không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ, mong muốn gia đình đoàn tụ. Tuy nhiên kể từ khi Tòa án thụ lý và tiến hành hòa giải đoàn tụ cho đến nay, vợ chồng vẫn chưa hàn gắn được, bà Y vẫn cương quyết ly hôn, ông M vẫn không đưa ra biện pháp để vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng yêu thương nhau, những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Qua xác minh tại địa phương nơi bà Y, ông M cư trú cho biết: Bà Y và ông M là vợ chồng, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã và vợ chồng đã không còn sống chung hơn một năm nay.

Bà Y xác định hiện nay không còn tình cảm với ông M, vợ chồng không còn sống chung nên không thể nào có cơ hội hàn gắn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà Y và ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Y yêu cầu được ly hôn với ông M là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y.

[2.2]. *Về con chung*: Qúa trình chung sống bà Võ Minh Y và ông Hồ Hoàng M có 02 con chung là Hồ Dương Minh C, sinh ngày 20/12/2001 và Hồ Dương Gia B, sinh ngày 12/11/2009. Bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục con chung Hồ Dương Gia B, sinh ngày 12/11/2009. Còn con chung Hồ Dương Minh C, sinh ngày 20/12/2001 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau thì các con sống với bà Y, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2018 cháu B có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Y. Vì vậy, để cháu B phát triển ổn định, toàn diện cần giao cháu B cho bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên yêu cầu của bà Y về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung được chấp nhận

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Bà Y yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung Hồ Dương Gia B, sinh ngày 12/11/2009 mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Theo bà Y thì chi phí cho sinh hoạt của cháu B là khoảng 3.000.000 đồng/tháng; xét thấy mức chi phí này là phù hợp. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông M xác định thu nhập của M là khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, cần buộc ông M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu B với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3 năm 2019 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

[2.4]. *Về tài sản chung*: Các đương sự đều thống nhất nhà đất thuộc thửa số 1625, tờ bản đồ số 17 toạ lạc tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 373206, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02194 do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 10/01/2012 cho ông Hồ Hoàng M. Trên đất có một căn nhà cấp 4 diện tích 113m^2 là tài sản chung của vợ chồng, nhưng các bên không thống nhất giá trị được chia, bà Y yêu cầu nhận nhà đất và thanh toán cho ông M bằng giá trị là 500.000.000 đồng. Ông M đồng ý giao nhà đất cho bà Y quản lý sử dụng và yêu cầu được nhận bằng giá trị là từ 600.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng.

Theo biên bản xem xét thẩm định chỗ, biên bản định giá tài sản thì tài sản mà bà Y, ông M yêu cầu chia có giá trị: Đất trị giá: 580.000.000 đồng; nhà cấp 4 trị giá: 233.345.000 đồng; sân lát gạch đá trị giá: 4.300.000 đồng. Tổng cổng: 817.645.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình thì nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn: Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi: Phần tài sản mà bà Y, ông M mỗi người được chia có giá trị là 408.822.500 đồng. Ông M yêu cầu bà Y phải thanh toán cho ông M bằng giá trị từ 600.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng là không có cơ sở, vì quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông M thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, giá trị tài sản định giá của Hội đồng định giá, không yêu cầu định giá lại. Ông M cũng không chứng minh được ông M có công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung lớn hơn so với bà Y.

Tuy nhiên, bà Y đồng ý thanh toán bằng giá trị cho ông M là 500.000.000 đồng, số tiền này lớn hơn so với ½ giá trị tài sản chung mà ông M được chia nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bà Y. Như vậy phần giá trị tài sản mà bà Y được chia là 317.645.000 đồng. Ông M là 500.000.000 đồng.

Bà Võ Minh Y được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 145m^2 thuộc thửa số 1625, tờ bản đồ số 17 toạ lạc tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 373206, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02194 do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 10/01/2012 cho ông Hồ Hoàng M và sở hữu căn nhà cấp 4 diện tích 113 m^2, kết cấu tường xây tô, mái tôn, nền gạch men gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1625, tờ bản đồ số 17 toạ lạc tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Nhà đất có tứ cận:

+ Hướng Bắc giáp mương nước (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi giáp lối đi chung 2.0m);

+ Hướng Nam giáp lối đi chung bê tông (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi lối đi chung 3.0m);

+ Hướng Đông giáp phần đất của bà A (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi giáp với ông Nguyễn Phi K);

+ Hướng Tây giáp phần đất của ông Dương Văn M (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi giáp với bà Nguyễn Phương H).

Bà Võ Minh Y có trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Hoàng M phần giá trị tài sản mà ông Hồ Hoàng M được chia là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Các tài sản khác các đương sự yêu cầu nên không xem xét.

[2.5]. *Về nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Bà Võ Minh Y phải nộp 1.408.893 đồng, được khấu trừ vào số tiền bà Y đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

- Ông Hồ Hoàng M phải nộp 2.217.752 đồng để trả lại cho Võ Minh Y số tiền mà bà Y đã nộp tạm ứng.

[5]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

[5.1]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Minh Y phải chịu 300.000 đồng. Ông Hồ Hoàng M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

[5.2]. Về án phí chia tài sản: Bà Y, ông M phải chịu án phí trên giá trị tài sản được chia.

- Bà Võ Minh Y phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia 317.645.000 đồng, tương đương án phí là: 15.882.250 đồng.

- Ông Hồ Hoàng M phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia 500.000.000 đồng, tương đương án phí: 24.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 157, 165, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57, 59, 62, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Minh Y về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" đối với bị đơn ông Hồ Hoàng M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Minh Y được ly hôn với ông Hồ Hoàng M.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Hồ Dương Gia B, sinh ngày 12/11/2009 cho bà Võ Minh Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đối với con chung là Hồ Dương Minh C, sinh ngày 20/12/2001 đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Hồ Hoàng M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Hồ Dương Gia B, sinh ngày 12/11/2009 mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3 năm 2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Hồ Hoàng M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

1.4. Về tài sản:

- Giao cho bà Võ Minh Y được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 145m^2 thuộc thửa số 1625, tờ bản đồ số 17 toạ lạc tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 373206, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02194 do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 10/01/2012 cho ông Hồ Hoàng M và sở hữu căn nhà cấp 4 diện tích 113 m^2, kết cấu tường xây tô, mái tôn, nền gạch men gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1625, tờ bản đồ số 17 toạ lạc tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Nhà đất có tứ cận:

+ Hướng Bắc giáp mương nước (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi giáp lối đi chung 2.0m);

+ Hướng Nam giáp lối đi chung bê tông (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi lối đi chung 3.0m);

+ Hướng Đông giáp phần đất của bà A (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi giáp với ông Nguyễn Phi K);

+ Hướng Tây giáp phần đất của ông Dương Văn M (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi giáp với bà Nguyễn Phương H).

(Có sơ đồ kèm theo).

Bà Võ Minh Y có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 1625, tờ bản đồ số 17 toạ lạc tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Võ Minh Y có trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Hoàng M số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Các tài sản khác các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về chi phí tố tụng:

- Bà Võ Minh Y phải nộp 1.408.893 đồng (một triệu bốn trăm lẻ tám nghìn tám trăm chín mươi ba đồng), được khấu trừ vào số tiền bà Y đã nộp tại Tòa án.

- Ông Hồ Hoàng M phải nộp 2.217.752 đồng (hai triệu hai trăm mười bảy nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng) để trả lại cho Võ Minh Y.

3. Về án phí:

- Bà Võ Minh Y phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 15.882.250 đồng (mười lăm triệu tám trăm tám mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí chia tài sản, tổng cộng 16.182.250 đồng (mười sáu triệu một trăm tám mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.300.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/ 0022642, ngày 05/9/2018 và biên lai số AA/2016/0022809 ngày 10/10/2018, bà Y còn phải nộp 3.882.250 đồng (ba triệu tám trăm tám mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng).

- Ông Hồ Hoàng M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con và 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) án phí chia tài sản. Tổng cộng án phí ông Hồ Hoàng M phải nộp là 24.300.000 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
-VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường A, TP. T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.